ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 215 /BC-UBND	*Hưng Yên, ngày 29 tháng 11 năm 2019*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2019 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2019

Năm 2019, Kinh tế - xã hội của tỉnh diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng, đặc biệt là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung; trong nước, nền kinh tế tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng, dịch tả lợn châu Phi lây lan trên diện rộng ảnh hưởng lớn đến ngành chăn nuôi... Với quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế xã hội đã đề ra, ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện quyết liệt, toàn diện những nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh, kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2019 đã đạt được kết quả khá toàn diện.

I. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ƯỚC ĐẠT

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 9,72% (KH tăng 8,3%; năm 2018 tăng 9,58%). Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 12,25% (KH tăng 9,5%), chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 11,45%. Giá trị sản xuất nông nghiệp - thuỷ sản tăng 2,62% (KH tăng 2,6%). Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng 6,77% (KH tăng 8,2%). Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng chiếm tỷ trọng 62,15% - nông nghiệp, thủy sản chiếm 8,44% - thương mại, dịch vụ chiếm 29,41% (năm 2018 tương ứng: 61,04% - 8,89% - 30,07%). Tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP/người) đạt 74,57 triệu đồng (năm 2018 đạt 66,88 triệu đồng). Kim ngạch xuất khẩu 4.750 triệu USD, đạt 101% kế hoạch, tăng 11,76% so với năm 2018. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ 38.097 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch, tăng 11,12% so với năm 2018. Tổng thu ngân sách trên địa bàn 14.450 tỷ đồng, đạt 112,3% kế hoạch, tăng 9,2% so với năm 2018, trong đó: Thu thuế xuất nhập khẩu 3.450 tỷ đồng, đạt 104,5% kế hoạch, tăng 3,25%; thu nội địa 11.000 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch, tăng 11,95%. Tổng chi

ngân sách 10.339 tỷ đồng, đạt 112,7% kế hoạch, trong đó: Chi đầu tư phát triển 3.679 tỷ đồng, đạt 91,8% kế hoạch; chi thường xuyên 6.300 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Có thêm 03 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số đơn vị cấp huyện được công nhận lên 4/10 (đạt 40%). Có thêm 28 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã được công nhận lên 145/145 xã (đạt 100%). Chuyển đổi được 2.899,5 ha diện tích cây trồng kém hiệu quả sang cây trồng khác, nuôi thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn (KH 2.300 ha – 2.400 ha). Giá trị thu nhập bình quân trên 01 ha đất canh tác đạt 202,5 triệu đồng, tăng 10,5 triệu đồng so với năm 2018. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 37,63% (KH 37,5%), tăng 3,3% so với năm 2018. Có thêm 46 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 100% kế hoạch, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 383 trường. Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1% (KH dưới 1%). 100% y tế cấp xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia (KH 100%). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,5% (KH 88,2%). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 32% (KH 32%), trong đó tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 29,98%. Tạo thêm việc làm mới cho 2,48 vạn lao động, đạt 107,8% KH, tăng 3,7% so với năm 2018. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 63% (KH 62%); trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 48%, tăng 3% so với năm 2018. Tỷ lệ hộ nghèo còn 2,0% (KH 2,2%). Tỷ lệ làng, khu phố văn hoá 88,5% (KH 88,5%); tỷ lệ gia đình văn hoá 91,5% (KH 91,5%). Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở nông thôn đạt 77%, tăng 6,88% so với năm 2018. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở đô thị đạt 75,6%.

1. Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn đạt được kết quả khá tích cực. Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản ước 12.528 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 2,62% so với năm 2018. Giá trị thu nhập bình quân trên 01 ha đất canh tác đạt 202,5 triệu đồng, tăng 10,5 triệu đồng so với năm 2018.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 85.290 ha, giảm 7,19%; diện tích trồng lúa 62.983 ha, giảm 6,91%, trong đó lúa chất lượng cao chiếm 67,3% diện tích, tăng 3,8%; năng suất lúa bình quân 64,06 tạ/ha, tăng 2,38%; sản lượng thóc ước 403.455 tấn, đạt 103,2% kế hoạch, giảm 2,89%. Sản lượng chuối tăng 31,86%, cam tăng 4,33%, bưởi tăng 24,83%, nhãn giảm 25,53%, vải giảm 26,11%. Chuyển đổi được 2.899,5 ha diện tích cây trồng kém hiệu quả sang cây trồng khác, nuôi thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn (KH 2.300 ha – 2.400 ha), nâng tổng diện tích đất đã chuyển đổi lên 15.265 ha. Công tác phòng, trừ sâu, bệnh gây hại trên cây trồng được triển khai kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sâu bệnh gây ra. Công tác thuỷ lợi được triển khai đồng bộ, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất.

Chăn nuôi lợn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi. Đến ngày 03/10/2019, toàn tỉnh đã tiêu hủy 197.377 con lợn, tương đương 11.166 tấn. Ước tính đàn lợn giảm 34,55%, sản lượng thịt lợn giảm 11,76% so với năm 2018. Các cấp, các ngành đã quyết liệt, kịp thời triển khai nhiều biện pháp phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi và hỗ trợ người dân bị thiệt hại do bệnh

dịch. Đến nay, đã cơ bản công bố hết dịch, giá lợn hơi tăng khoảng 50% so với trước khi xuất hiện dịch. Đã đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi, đa dạng hóa vật nuôi, tập trung phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, thủy sản để bù đắp thiếu hụt sản phẩm thịt lợn, phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Đến nay, đàn gia cầm tăng 10,52%; đàn bò tăng 2,53%; đàn trâu giảm 0,22%. Sản lượng chăn nuôi đạt 138,26 nghìn tấn, giảm 5,28%. Nuôi trồng thủy sản được duy trì ổn định, công nghệ nuôi cá sông trong ao nước tĩnh, nuôi cá lồng trên sông được đẩy mạnh, góp phần tăng năng suất, chất lượng thủy sản. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 5.695ha, tăng 0,6%, sản lượng đạt 46,4 nghìn tấn, tăng 11,94%.

Công tác quản lý đê điều và phòng chống lụt bão được thực hiện nghiêm túc. Các ngành nghề truyền thống và dịch vụ ở nông thôn phát triển khá. Toàn tỉnh, hiện có 635 mô hình kinh tế trang trại và 51 làng nghề đang hoạt động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân. Hoạt động phát triển các nhãn hiệu hàng hóa tập thể được đẩy mạnh, đến nay có trên 30 loại sản phẩm được dán tem truy xuất nguồn gốc với khoảng 1,7 triệu tem đã được dán.

Huy động trên 1.600 tỷ đồng từ nguồn vốn đấu giá quyền sử dụng đất và vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới, góp phần đầu tư hoàn thành 33 công trình trường lớp học, cải tạo, nâng cấp trên 64 km đường giao thông nông thôn, xây dựng các công trình nhà văn hóa thôn, xã. Có thêm 28 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 145/145 xã (100%), về đích trước 2 năm so mục tiêu đề ra (Mục tiêu đến 2020 đạt 80%, nhưng đến hết năm 2018 đã đạt 80,7%) và là 1 trong 8 tỉnh hoàn thành 100% số xã đạt chuẩn NTM; có thêm 03 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn NTM, nâng tổng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM lên 4/10 đơn vị (đạt 40%); đến hết năm 2019 dự kiến có 10 xã hoàn thành các tiêu chí xã NTM nâng cao. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn ước đạt 45 triệu đồng/người/năm (tăng 32,4 triệu đồng, tương đương tăng 3,6 lần so với năm 2011).

2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng đạt 201.970 tỷ đồng, tăng 12,25% so với năm 2018; trong đó: giá trị sản xuất công nghiệp đạt 188.357 tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm 2018 (KH tăng 9,5%). Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 11,45% so với năm 2018 (KH tăng 10,97%); trong đó: Công nghiệp khai thác tăng 6,23%, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,41%, công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 9,97%, cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải 16,98%. Một số sản phẩm tăng trưởng khá so với năm 2018 như: Thép cán các loại tăng 10,27%; gạch xây dựng tăng 10,32%, tủ lạnh sử dụng trong gia đình tăng 11,16%; bao bì và túi bằng plastic tăng 13,97%; quần áo may sẵn 19,68%, nước máy sản xuất tăng 41,19%. Tình hình cung ứng điện trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, sản lượng điện thương phẩm ước đạt khoảng 4,3 tỷ kWh, tăng 9,84% so với năm 2018.

Hạ tầng các khu công nghiệp được đẩy nhanh tiến độ đầu tư, có thêm khoảng 150 ha đất khu công nghiệp được xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đạt 100% kế hoạch. Toàn tỉnh hiện có 10 KCN đã được chấp thuận đưa vào quy hoạch các KCN của tỉnh, có 5 KCN đã đi vào hoạt động với tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng trên 80%. Dự kiến trong năm 2019, có 2 nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN được đưa vào hoạt động, đạt tỷ lệ 80% KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (KH 80%). Hoạt động thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp tiếp tục được quan tâm. Năm 2019 có thêm 2 cụm công nghiệp được thành lập là CCN Minh Hải 1, huyện Văn Lâm và CCN Quảng Lãng – Đặng Lễ, huyện Ân Thi; nâng tổng số CCN được thành lập lên 3 cụm gồm: Đông Khoái Châu, Minh Hải 1 và Quảng Lãng – Đặng Lễ; đến nay cả ba cụm công nghiệp đều đã thu hút được nhà đầu tư hạ tầng (KH mỗi huyện, thành phố có ít nhất 01 CCN; huyện Ân Thi, Văn Lâm có ít nhất 02 CCN).

Công tác quản lý quy hoạch kiến trúc, phát triển đô thị được tăng cường và đẩy mạnh. Thị xã Mỹ Hào được thành lập. 5 xã được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. Tiếp tục hoàn thiện nhiều quy hoạch lớn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội như: Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hưng Yên; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Động; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Mỹ; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi; Quy hoạch vùng dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên và Quy hoạch phân khu xây hai bên trục đường kinh tế Bắc - Nam; Quy hoạch phân khu 2 bên đường huyện 57. Đang tổ chức lập quy hoạch chung đô thị Văn Giang theo tiêu chí đô thị loại II; Hoàn thành phê duyệt quy hoạch 01 khu công nghiệp và 08 cụm công nghiệp. Chấp thuận mặt bằng quy hoạch tổng thể 278 dự án. Các hoạt động quản lý chất lượng công trình xây dựng được quan tâm. Công tác quản lý vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quản lý nhà ở và thị trường bất động sản được tăng cường. Đang đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án nhà ở xã hội, dự án nhà ở công nhân các khu công nghiệp Dệt may, khu công nghiệp Phố Nối A, khu công nghiệp Yên Mỹ.

3. Thương mại và dịch vụ

Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ đạt 23.427 tỷ đồng, tăng 6,77% so với năm 2018 (KH tăng 8,2%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ 38.097 tỷ đồng, tăng 11,12%. Xuất khẩu ước 4.750 triệu USD, tăng 11,76%. Nhập khẩu ước 4.600 triệu USD, giảm 1,08%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 1,72%, thấp nhất trong 5 năm gần đây (năm 2018 tăng 4,5%).

Các hoạt động xúc tiến thương mại được triển khai hiệu quả thông qua nhiều hình thức như: hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; tập huấn nâng cao năng lực cạnh tranh cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong hội nhập kinh tế quốc tế; tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2019; tổ chức nhiều hội trợ, hội nghị xúc tiến tiêu thụ nông sản. Công tác quản lý thị trường được triển khai hiệu quả. Các hoạt động quản lý xuất nhập khẩu và thúc đẩy hội nhập kinh tế được quan tâm.

4. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Công tác xúc tiến đầu tư được triển khai tích cực. Phối hợp tổ chức thành công Hội nghị Phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ tại Hưng Yên; Hội nghị chia sẻ thực tiễn tốt trong việc điều hành kinh tế khu vực Đồng bằng sông Hồng và Đông Bắc Bộ. Thu hút 116 dự án mới, giảm 60 dự án so với năm 2018 (KH thu hút 80 dự án); trong đó: có 75 dự án đầu tư trong nước, giảm 70 dự án (KH thu hút 72 dự án) và 41 dự án đầu tư nước ngoài, tăng 10 dự án (KH thu hút 8 dự án); tổng số vốn đăng ký tương đương 639 triệu USD (vốn trong nước 6.030 tỷ đồng, giảm 4.831 tỷ; vốn FDI 378 triệu USD, tăng 245,1 triệu USD). Đưa tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh lên thành 1.928 dự án; bao gồm: 1.463 dự án đầu tư trong nước, 465 dự án đầu tư nước ngoài; tổng số vốn đăng ký tương đương 10,5 tỷ USD (vốn trong nước 133,4 nghìn tỷ đồng; vốn FDI 4,73 tỷ USD). Có thêm 45 dự án đi vào hoạt động, tạo việc làm mới cho trên 7,2 nghìn lao động, nâng tổng số dự án đã đi vào hoạt động là 1.064 dự án. Bên cạnh việc đẩy mạnh thu hút đầu tư, trong năm đã quyết định thu hồi 42 dự án chậm tiến độ.

Hoạt động hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp được triển khai hiệu quả. Đã tổ chức 06 hội nghị gặp mặt doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Có thêm 1.200 doanh nghiệp thành lập mới, đạt 100% kế hoạch, với số vốn đăng ký là 10.510 tỷ đồng; 176 doanh nghiệp trở lại hoạt động; 105 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể và 264 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động. Đến nay, toàn tỉnh có 11.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động với tổng số vốn đăng ký đạt 109.500 tỷ đồng, trong đó có 72% doanh nghiệp đang hoạt động. Kinh tế hợp tác phát triển đa dạng về hình thức và quy mô. Có 51 hợp tác xã được thành lập mới (KH 35 HTX thành lập mới), 02 hợp tác xã giải thể; tổng số hợp tác xã toàn tỉnh là 372 hợp tác xã. Doanh thu bình quân của 01 hợp tác xã đạt 1.200 triệu đồng/năm, tương đương năm 2018. Lãi bình quân của hợp tác xã đạt 128 triệu đồng/năm.

Công tác sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp đang được triển khai. Hoàn thành công tác cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên. Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hưng Yên và Trung tâm Tư vấn Giao thông vận tải Hưng Yên. Tiến hành bàn giao phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hưng Yên về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) quản lý.

5. Hoạt động tài chính, tiền tệ

Với sự chủ động và tích cực trong công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng công tác thu ngân sách nhà nước năm 2019 vẫn đạt được kết quả tích cực. Tổng thu ngân sách 14.450 tỷ đồng, đạt 112,3% kế hoạch, tăng 9,2% so với năm 2018. Thu xuất nhập khẩu 3.450 tỷ đồng, đạt 104,5% kế hoạch, tăng 3,25%; thu nội địa 11.000 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch,

tăng 11,95%; không tính thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa ước 8.100 tỷ đồng, đạt 100,6% kế hoạch, tăng 13,4%. Có 13/15 khoản thu hoàn thành và vượt kế hoạch: Thu từ khu vực DNNN Trung ương vượt 5,3% kế hoạch; thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương vượt 6,3% kế hoạch; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vượt 1,2% kế hoạch; thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt kế hoạch; thuế thu nhập cá nhân vượt 2,4% kế hoạch; lệ phí trước bạ vượt 12,1% kế hoạch; phí, lệ phí đạt kế hoạch; thu tiền sử dụng đất vượt 91,4% kế hoạch; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp vượt 15,4% kế hoạch; tiền thuê mặt đất, mặt nước đạt kế hoạch; các khoản thu khác vượt 15,4% kế hoạch. Có 02 khoản thu chưa hoàn thành kế hoạch gồm: thuế bảo vệ môi trường đạt 83,5% kế hoạch và xổ số kiến thiết đạt 92,3% kế hoạch. Tổng chi ngân sách 10.339 tỷ đồng, đạt 112,7% kế hoạch, trong đó: Chi đầu tư phát triển 3.679 tỷ đồng, đạt 91,8% kế hoạch; chi thường xuyên 6.300 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

Hoạt động ngân hàng phát triển ổn định. Tổng nguồn vốn của các tổ chức tín dụng ước đạt 81.000 tỷ đồng, tăng 11,07% so với năm 2018; trong đó, vốn huy động tại địa phương 72.500 tỷ đồng, tăng 13,1%. Dư nợ cho vay tăng trưởng ổn định, tập trung chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn và cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Năm 2019, dư nợ ước đạt 62.600 tỷ đồng, tăng 12,02%; trong đó, cho vay nông nghiệp nông thôn chiếm 50,2% tổng dư nợ, tăng 17,8%, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 23,6% tổng dư nợ, tăng 10,17%. Chất lượng tín dụng tiếp tục được cải thiện, dư nợ xấu chiếm 1,6% tổng dư nợ.

6. Đầu tư phát triển

Công tác huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tiếp tục tăng, cơ cấu vốn đầu tư chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước, tăng dần vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 34.668 tỷ đồng, tăng 9,92%. Trong đó, vốn đầu tư nhà nước chiếm tỷ trọng 15% (năm 2018 chiếm 15,74%), tốc độ tăng 4,75% so năm 2018; vốn đầu tư ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 51,9% (năm 2018 chiếm 52,8%), tốc độ tăng 8,03%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng 33% (năm 2018 chiếm 31,4%), tốc độ tăng 15,69%.

Giải ngân vốn đầu tư công đạt kết quả khá cao so với bình quân chung của cả nước nhưng giải ngân vốn ODA và Trái phiếu Chính phủ còn chậm. Kế hoạch vốn giao 4.007 tỷ đồng; ước giải ngân đạt 3.679 tỷ đồng, đạt 91,8% kế hoạch. Trong đó giải ngân nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý 1.368 tỷ đồng đạt 80,6% kế hoạch; nguồn vốn ngân sách cấp huyện quản lý 812 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; nguồn vốn ngân sách cấp xã quản lý 1.499 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

7. Tài nguyên môi trường

Hoạt động quản lý đất đai được tăng cường. Đang tích cực xây dựng hoàn thiện Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 tỉnh Hưng Yên; Lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh. Công tác đăng ký, thống kê đất đai được đẩy

mạnh. Toàn tỉnh cấp giấy chứng nhận lần đầu được 989.883 thửa đất, đạt 81,15%; diện tích cấp là 57.084 ha, đạt 83,48%. Trong đó năm 2019 đã cấp được 8.326 thửa, với diện tích 341,9 ha. Cấp đổi Giấy chứng nhận đất nông nghiệp sau dồn thửa đổi ruộng được 5.044 thửa. Hoạt động giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất được triển khai hiệu quả. Công tác quản lý khoáng sản được tăng cường, đã tổ chức đấu giá thành công quyền khai thác khoáng sản đối với 03 mỏ cát lòng sông Hồng ở khu vực chưa thăm dò. Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được quan tâm triển khai; góp ý kiến về môi trường cho 212 dự án đầu tư, từ chối tiếp nhận 11 dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Hoàn thành lắp đặt, vận hành thử nghiệm Lò đốt rác thải công suất 50 tấn/ngày của Dự án Cải tạo, nâng cấp bãi rác Dị Sử, thị xã Mỹ Hào; vận hành hiệu quả hệ thống nhận dữ liệu quan trắc môi trường tự động. Đã thực hiện lấy mẫu giám sát nước thải của các cơ sở có lưu lượng nước thải lớn, kết quả phát hiện và yêu cầu 13/103 lượt cơ sở thực hiện khắc phục xử lý. Công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch tả lợn Châu Phi được tăng cường, đã thực hiện 03 đợt kiểm tra, 02 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng môi trường tại các điểm xử lý tiêu hủy lợn mắc dịch.

8. Khoa học và công nghệ

Hoạt động khoa học công nghệ tiếp tục phát triển đúng định hướng, có chiều sâu. Năm 2019, đã tham gia ý kiến về công nghệ đối với trên 88 dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh, cấp 2 giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ, 2 giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, ban hành 66 bản thông báo công bố hợp quy, 288 bản đăng ký kiểm tra chất lượng thép. Tổ chức thực hiện 46 đề tài, dự án, nhiệm vụ; hỗ trợ 10 huyện, thị xã, thành phố và 5 đoàn thể chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tăng cường. Đã tiến hành kiểm định đối với 12.121 phương tiện đo các loại, kết quả loại bỏ 221 phương tiện đo không đảm bảo yêu cầu. Các hoạt động an toàn bức xạ hạt nhân được đẩy mạnh. Đã cấp 08 chứng chỉ nhân viên vận hành bức xạ, 16 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ trong y tế, phê duyệt 08 kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân tại cơ sở. Các hoạt động phát triển tài sản trí tuệ, khởi nghiệp sáng tạo tiếp tục được chú trọng và triển khai có hiệu quả. Đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền quảng bá các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

9. Giao thông vận tải

Hạ tầng giao thông vận tải tiếp tục được quan tâm đầu tư mạnh mẽ. Đã và đang đầu tư, nâng cấp 57,19 km đường tỉnh, 05 cầu với chiều dài là 153m; trên 55km đường huyện, 140km đường giao thông nông thôn, xã. Đã thông xe toàn tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và cơ bản hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông. Đang đẩy mạnh triển khai Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐT.382 đoạn từ Km0+000- Km8+000; Dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy); Dự án đường nối ĐT.379 với QL39 và đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng huyện Khoái Châu; Dự án cải tạo, nâng cấp ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379 và chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tưởng niệm đồng chí Tô Hiệu và đồng chí

Lê Văn Lương và các tuyến đường huyện, đường giao thông nông thôn. Công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường sông được thực hiện theo đúng kế hoạch đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt.

Hoạt động quản lý vận tải được tăng cường. Khối lượng hàng hóa vận chuyển 35,4 triệu tấn, đạt 114% KH, tăng 14,75%; khối lượng hàng hóa luân chuyển 1.245 triệu tấn.km, đạt 106% KH, tăng 11,97%; số lượt hành khách vận chuyển 16,85 triệu người, đạt 118% KH, tăng 13,63%; số lượt hành khách luân chuyển 978,83 triệu người.km, đạt 108% KH, tăng 13,47%. Các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông được triển khai đồng bộ. Toàn tỉnh xảy ra 115 vụ TNGT (giảm 10 vụ), làm 91 người chết (tăng 3 người), 80 người bị thương (giảm 13 người).

10. Giáo dục và đào tạo

Chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng được nâng lên. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 92,01%, tỷ lệ học sinh trúng tuyển đại học đạt 66,34%. Công tác tuyển chọn bồi dưỡng học sinh giỏi thu được kết quả tích cực. Đạt 54 giải quốc gia và quốc tế, trong đó 44 học sinh đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm 2019, 01 học sinh đạt huy chương bạc Cuộc thi Olympic Tin học Châu Á năm 2019, 01 học sinh đạt giải nhất trong Cuộc thi Vô địch Tin học Văn phòng Thế giới- Viettel năm 2019, 8 học sinh đạt giải trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia THPT năm học 2018- 2019. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên được tăng cường, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn cấp mầm non đạt 70,36%; tiểu học đạt 91,53% THCS đạt 75,45%; THPT đạt 21,68%. Hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đẩy mạnh, tỷ lệ phòng học kiên cố cao tầng đạt 91,83%. Có thêm 46 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 100% kế hoạch, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 383 trường. Quản lý giáo dục được thực hiện có nền nếp; công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên, góp phần duy trì kỷ cương, nề nếp dạy-học, thi cử, tuyển sinh, dạy thêm- học thêm và thu góp. Hoạt động sáp nhập các trường ở các cấp học được triển khai mạnh mẽ. Năm 2019, giảm được 6 trường mầm non công lập, 10 trường tiểu học, 10 trường trung học cơ sở, 2 trường THPT.

11. Y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Các hoạt động y tế dự phòng được triển khai hiệu quả, chế độ giám sát dịch được thực hiện thường xuyên, đến nay trên địa bàn tỉnh không có dịch xảy ra. Năm 2019 các chỉ tiêu y tế đạt khá: Chỉ tiêu khám, điều trị bình quân đạt 120% kế hoạch năm; Công suất sử dụng giường bệnh đạt trung bình 117,31% (Năm 2018 đạt 96,49%), số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã) đạt 27,3 giường (KH 28 giường); Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt100%, (KH 100%), tăng 1%; tỷ lệ xã phường, thị trấn có bác sỹ làm việc đạt 98,4% (KH 98,4%); tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,5% (KH 88,2%), bao gồm: nhóm 1 doanh nghiệp và người lao động cùng tham gia đóng 18%, nhóm 2 hưu trí 4%, nhóm 3 ngân sách đóng 32,5%, nhóm 4 ngân sách hỗ trợ 1 phần mức đóng 24%, nhóm 5 hộ gia đình tự đóng 12%. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em được tăng cường: 100% trẻ từ 6 tháng đến 60 tháng tuổi và các bà mẹ sau sinh

được uống Vitamin A; tỷ lệ trẻ tiêm chủng đủ mũi ước đạt 99,8% số trẻ, tăng 0,8%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng 11,2% (KH 11,4%), giảm 0,02%. Các hoạt động dân số kế hoạch hóa gia đình được triển khai rộng khắp. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên duy trì dưới 1%; tỷ số giới tính khi sinh là 116/100 (KH 116/100), cùng kỳ 118/100, tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên chiếm 18,7% (cùng kỳ 19%). Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được tích cực triển khai. Đã tổ chức kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm tại 145 cơ sở, kết quả có 4 cơ sở vi phạm. Công tác kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm được tăng cường. Công tác quản lý hành nghề y dược tư nhân được đảm bảo. Đã triển khai Đề án kết nối liên thông các cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn tỉnh theo đúng lộ trình. Công tác đấu thầu thuốc được triển khai theo kế hoạch đảm bảo cung ứng thuốc đầy đủ kịp thời, không xảy ra tai biến do các phản ứng của thuốc.

12. Văn hóa, thể thao và du lịch

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi tại khắp các địa phương chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh. Công tác quản lý di sản văn hóa được tăng cường. Hoàn thành công tác bảo tồn, tôn tạo Công trình Đền thờ Lạc Long Quân. Đang triển khai công tác bảo tồn, tôn tạo một số di tích trong quần thể Khu di tích quốc gia đặc biệt Phố Hiến. Phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Báo Quân đội nhân dân tổ chức Hội thảo khoa học "Danh nhân Triệu Việt Vương và căn cứ Dạ Trạch". Công tác quản lý gia đình, phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai tích cực. Tỷ lệ làng, khu phố văn hoá 88,5% (KH 88,5%), tỷ lệ gia đình văn hoá 91,5% (KH 91,5%). Các hoạt động thể dục thể thao quần chúng được đẩy mạnh. Tổ chức 11 giải thể thao quần chúng cấp tỉnh. Thể thao thành tích cao được tăng cường, tham gia 27 giải thể thao quốc gia, giành được 106 huy chương các loại, trong đó có 20 HCV, 29 HCB và 57 HCĐ (đạt 75,7% kế hoạch 106/140); có 19 VĐV đạt đẳng cấp quốc gia. Câu lạc bộ Phố Hiến đoạt giải Nhì giải bóng đá hạng Nhất Quốc gia năm 2019. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch tiếp tục được đẩy mạnh, khách du lịch đến Hưng Yên ước đạt trên 1.050 nghìn lượt khách.

13. Lao động, thương binh và xã hội

Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo những nội dung trọng tâm cần triển khai, gồm: Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; cải thiện, nâng cao mức sống người có công, người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội. Nhờ đó, công tác lao động, giải quyết việc làm và đào tạo nghề được triển khai tích cực. Đã tổ chức 24 phiên giao dịch việc làm, tạo việc làm trong nước cho 21.012 lao động, đạt 107,7% kế hoạch, tăng 4,2%; xuất khẩu 3.792 lao động, đạt 108,3% kế hoạch, tăng 1,3%; tuyển sinh, đào tạo nghề cho 55.205 người, đạt 118,7% kế hoạch, tăng 3,1%. Đến nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 63%, tăng 3% so với năm 2018; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 48%, tăng 3% so với năm 2018. Thực hiện chu đáo các chính sách đối với người có công và các đối tượng

bảo trợ xã hội. Tổ chức thăm và trao tặng 140.380 suất quà tới các gia đình chính sách, người có công. Triển khai điều dưỡng ở trong và ngoài tỉnh cho 10.104 người có có công, giải quyết chế độ đối với 2,1 nghìn hồ sơ mai táng phí; trên 16 nghìn thân nhân/người thờ cúng liệt sĩ. Tổ chức thăm, chúc thọ, tặng quà 25.344 người cao tuổi. Hỗ trợ ăn Tết đối với 9.953 hộ nghèo và 757 đối tượng nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm bảo trợ xã hội trong tỉnh. Trao tặng quà, học bổng, bảo trợ cho trên 21 nghìn lượt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho trên 51 nghìn người. Công tác giảm nghèo được triển khai tích cực, dự kiến tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,0% (KH 2,2%; năm 2018 là 2,55%). Phối hợp với Trung tâm tin tức VTV24 – Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức thành công chương trình "Cặp lá yêu thương" nhằm huy động sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm đối với hoàn cảnh khó khăn, trọng tâm là học sinh nghèo học giỏi.

14. Thông tin liên lạc và truyền thông

Hạ tầng kỹ thuật viễn thông không ngừng được đầu tư phát triển. Chỉ số sẵn sàng cho phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của tỉnh năm 2019 xếp thứ 13/63 tỉnh, thành. Công tác quản lý dịch vụ bưu chính, viễn thông, internet, tần số vô tuyến điện được tăng cường. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước được triển khai đồng bộ. Cổng dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử đã được triển khai và đi vào hoạt động từ cấp tỉnh đến cấp xã, với 609 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 309 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tỷ lệ văn bản điện tử được trao đổi trong nội bộ các cơ quan nhà nước đạt khoảng 95%; tỷ lệ văn bản không mật do UBND tỉnh phát hành dưới dạng điện tử có xác thực điện tử và chữ ký số đạt gần 100%. Đã cấp 6.500 hộp thư cho cán bộ công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin được quan tâm, chú trọng. Các cơ quan báo chí, truyền hình hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, thực hiện đúng định hướng tuyên truyền của Đảng và Nhà nước.

15. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý tôn giáo, thi đua khen thưởng

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh. Đã đưa Trung tâm hành chính công đi vào hoạt động từ tháng 9/2019 với 1.590 thủ tục hành chính được tiếp nhận và xử lý chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người dân. Tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả năm 2019 đã sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy của 08 sở, ngành giảm được 09 phòng chuyên môn, nghiệp vụ; sắp xếp 04 chi cục thuộc Sở, giảm 05 phòng; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 17 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 60 khoa, phòng, đơn vị tương đương khoa, phòng và giải thể 07 trạm y tế cấp xã. Công tác sáp nhập thôn, tổ dân phố

không đủ điều kiện bước đầu đạt kết quả. Đến nay đã thực hiện sát nhập 04 thôn thuộc thị xã Mỹ Hào; đang tiếp tục thẩm định, sáp nhập 34 thôn thuộc 03 huyện: Văn Lâm, Văn Giang, Kim Động. Thực hiện tinh giản biên chế đối với 53 người, giải quyết chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng đối với 29 người. Công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc. Năm 2018, có 04 chỉ số tăng hạng so với năm 2017 gồm: (1) chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tăng 2 bậc, xếp thứ 27/63 tỉnh, thành phố; (2) chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) tăng 44 bậc, xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố; (3) chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) tăng 6 bậc, xếp thứ 35/63 tỉnh, thành phố; (4) chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT) tăng 22 bậc, xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giảm 2 bậc so với năm 2017, xếp thứ 58/63 tỉnh, thành phố mặc dù điểm số tổng hợp tăng. Công tác dân vận chính quyền được các cấp các ngành quan tâm chỉ đạo triển khai quyết liệt. Đã thực hiện đổi mới nội dung, phương thức dân vận đảm bảo phù hợp tình hình và gắn với nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị. Quản lý nhà nước về tôn giáo được quan tâm chú trọng. Công tác thi đua khen thưởng thực hiện có hiệu quả, thu hút đông đảo các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

16. Quốc phòng, an ninh, tư pháp, thi hành án dân sự

16.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác huấn luyện được triển khai theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối. Quân số tham gia huấn luyện lực lượng thường trực đạt 97,3%, dân quân tự vệ đạt 90,6%. Đã tổ chức diễn tập Chỉ huy-Cơ quan 1 bên 1 cấp trên bản đồ tại cơ quan Bộ Chỉ huy quân tỉnh, 10/10 huyện, thị xã, thành phố và Trung đoàn 126. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tại huyện Văn Giang, Yên Mỹ, Phù Cừ và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tổ chức giáo dục quốc phòng an ninh cho 35.476 sinh viên, học sinh trên địa bàn tỉnh. Tuyển chọn và giao đủ 1.800 công dân nhập ngũ năm 2019 đạt 100% chỉ tiêu. Công tác bảo quản, bảo dưỡng vũ khí trang bị được thực hiện đúng quy định.

16.2. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được đẩy mạnh. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị lớn, quan trọng của đất nước, của địa phương. Trong năm, đã đưa 369 đồng chí công an chính quy về đảm nhiệm chức danh công an xã tại 86 xã, thị trấn trong toàn tỉnh. Phát hiện, triệt phá một số điểm đánh bạc có nhiều đối tượng tham gia, đánh bạc sử dụng công nghệ cao, không để hình thành các tụ điểm gây bức xúc trong nhân dân; các vụ án đều được tập trung điều tra, khám phá nhanh, nhất là các vụ án dư luận quan tâm. Công tác quản lý Nhà nước về ANTT được củng cố và tăng cường. Đã khởi tố, điều tra 343 vụ, 410 bị can phạm tội về trật tự xã hội; 31 vụ, 80 bị can phạm tội về kinh tế, tham nhũng; 68 vụ, 485 bị can phạm tội về đánh bạc; 247 vụ, 300 bị can phạm tội về ma túy; 01 vụ, 01 bị can phạm tội về mại

dâm. Xử lý hành chính 181 vụ, việc vi phạm về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm phạt 4,4 tỷ đồng; xử lý 27.881 trường hợp vi phạm TTATGT, phạt trên 27 tỷ đồng.

16.3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở được triển khai hiệu quả. Chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên rõ rệt. Triển khai xây dựng 41 văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện rà soát thường xuyên đối với 762 văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh, đã phát hiện 15 văn bản cần sửa đổi, bổ sung. Hoạt động phát triển đội ngũ quản tài viên, giám định viên và luật sư được triển khai hiệu quả. Đang xây dựng và ban hành Đề án triển khai thực hiện chế định Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

16.4. Công tác thi hành án dân sự được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, nhiều tập thể và cá nhân đã có sáng kiến, giải pháp tạo chuyển biến trong công tác, góp phần nâng cao hiệu quả, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Tổng số việc phải thi hành là 6.981 việc, tương ứng với 1.094 tỷ đồng. Trong đó, có 5.517 việc có điều kiện thi hành, tương ứng với 736,3 tỷ đồng; đã thi hành xong 4.605 việc, đạt 83,5%, bằng 114% chỉ tiêu giao. Tổng số tiền đã thi hành đạt 333,7 tỷ đồng, đạt 45,3%, bằng 137% chỉ tiêu giao.

17. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí

17.1. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện nghiêm túc. Năm 2019 toàn tỉnh tiến hành 280 cuộc thanh tra hành chính, 215 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra đã kiến nghị xử lý về kinh tế trên 13 tỷ đồng (trong đó: kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước trên 7 tỷ đồng; kiến nghị khác 14 tỷ đồng); kiến nghị xử lý hành chính 1 tập thể. Ban hành 1.300 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 7 tỷ đồng. Các cấp các ngành đã tiếp 1.500 lượt công dân (giảm 18,98% so với năm 2018); tiếp nhận 2.250 đơn (giảm 15,19% so với năm 2018). Số đơn đủ điều kiện xử lý là 550 đơn: đã xử lý 428 đơn, các đơn còn lại do trùng lặp hoặc nặc danh, mạo danh, không đủ điều kiện xử lý được lưu đơn theo quy định

17.2. Trong năm đã tổ chức 14 lớp tập huấn, tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng với 4.015 lượt người tham gia. Các cơ quan tổ chức đã xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, minh bạch về tài sản, thu nhập. Công tác tự kiểm tra nội bộ được thực hiện thường xuyên. Việc chuyển đổi vị trí cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng được thực hiện đúng quy định. Việc kê khai tài sản, thu nhập được triển khai nghiêm túc, tỷ lệ số người thực hiện kê khai đạt 100%, tỷ lệ bản kê khai được công khai là 100%, không có trường hợp nào phải giải trình, xác minh tài sản, thu nhập.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành, sự nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn của các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh

tế - xã hội năm 2019 đã đạt được kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức tăng cao nhất trong vòng 8 năm gần đây; chất lượng tăng trưởng được nâng lên rõ rệt, chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp. Hệ thống cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư và phát triển nhanh. Xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật, vượt mục tiêu đề ra. Công tác an sinh, xã hội được triển khai hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước có nhiều tiến bộ. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tăng cường. Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống nhân dân không ngừng được nâng lên.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém

1.1. Sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi. Việc kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản nhỏ lẻ đủ điều kiện an toàn thực phẩm ở các địa phương còn chậm.

1.2. Tiến độ triển khai các dự án đầu tư xây dựng đô thị, kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn chậm. Tỷ lệ đấu nối nước thải vào khu công nghiệp chưa đạt yêu cầu. Công tác quản lý xây dựng, quy hoạch xây dựng còn hạn chế.

1.3. Tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công của một số công trình, dự án còn chậm, ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống hàng ngày của người dân. Thủ tục hành chính cho vay, tiếp cận tín dụng còn khó khăn.

1.4. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nông thôn vẫn còn nghiêm trọng. Kết quả phân loại rác thải tại hộ gia đình còn thấp. Công tác quản lý chất thải y tế tại một số cơ sở khám chữa bệnh còn hạn chế. Việc thực hiện Kế hoạch 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh còn nhiều khó khăn.

1.5. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học và quản lý giáo dục hiệu quả chưa cao. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở một số cơ sở giáo dục còn thiếu, chưa đồng bộ. Công tác thu hút các trường về Khu đại học Phố Hiến còn rất khó khăn.

1.6. Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh còn chậm so với tiến độ và lộ trình đặt ra. Việc cụ thể hóa quy định của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp cán bộ giải quyết chế độ chính sách còn chậm.

1.7. Tình hình tai nạn giao thông còn diễn biến phức tạp; thực trạng vi phạm hành lang an toàn đường bộ còn diễn ra khá phổ biến trên các tuyến đường giao thông.

1.8. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) còn ở mức thấp.

1.9. Tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, trật tự an toàn giao thông, tội phạm núp bóng doanh nghiệp, tín dụng đen, tội phạm kinh tế, tham nhũng; vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn tiềm ẩn diễn biến phức tạp. Một số mô hình tự phòng, tự quản về an ninh, trật tự trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc còn hình thức.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Do khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, tăng trưởng chậm lại với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung diễn biến khó lường, ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước và của tỉnh.

- Dịch tả lợn Châu phi bùng phát và diễn biến phức tạp do chưa có vắc xin và thuốc chữa; chăn nuôi còn nhỏ lẻ, không đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài, do vậy việc thu hút nhà đầu tư còn khó khăn. Một số văn bản quy phạm pháp luật thiếu đồng bộ, chồng chéo, quy trình, thủ tục mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, tiến độ giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện dự án đầu tư.

- Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của Trung ương về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, dẫn tới việc triển khai, thực hiện tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ quản lý, người sản xuất, kinh doanh, và người dân về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm còn chưa cao.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác giải phóng mặt bằng đất cho sản xuất kinh doanh còn hạn chế.

- Ý thức trách nhiệm và việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường của một số tổ chức, doanh nghiệp và người dân chưa cao. Việc kiểm tra, hướng dẫn các hộ gia đình thực hiện mô hình phân loại rác thải hữu cơ chưa được thực hiện thường xuyên.

- Việc liên kết, phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa được quan tâm đúng mức. Việc huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục còn hạn chế.

- Công tác bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có nơi còn hạn chế. Ý thức của một bộ phận nhân dân tham gia giao thông chưa tốt.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

Năm 2020 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Dự báo bên cạnh những điều kiện thuận lợi, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng tạo ra động lực thúc đẩy đầu tư, phát triển sản xuất và thương mại, thì còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức. Các vấn đề mang tính toàn cầu như dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, khan hiếm các nguồn nguyên vật liệu, căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc chưa có hồi kết, tác động mạnh và đa chiều đến sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Trong nước, tình hình khó khăn trong sản xuất kinh doanh chưa được giải quyết triệt để, sức mua trên thị trường tăng thấp; khả năng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp chưa được cải thiện,.. là những yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá trong thu hút đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị, bảo đảm tăng trưởng kinh tế hợp lý, tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh; chuyển dịch cơ cấu, mô hình sản xuất nông nghiệp và tiến độ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, cải thiện môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tập trung cao độ nhằm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 9%. Giá trị sản xuất: Công nghiệp và xây dựng tăng 10,5%, (chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10%); thương mại, dịch vụ tăng 7,7%; nông nghiệp, thuỷ sản tăng 2,2%. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng 63% - nông nghiệp, thủy sản 8% - thương mại, dịch vụ 29%. GRDP bình quân đầu người 80 triệu đồng. Kim ngạch xuất khẩu 5.300 triệu USD. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ 42.000 tỷ đồng. Thu ngân sách trên địa bàn 14.865 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 10.565 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 4.300 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương 10.567 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển 2.741 tỷ đồng, chi thường xuyên 6.650 tỷ đồng. Phấn đấu có thêm 4 huyện hoàn thành tiêu chí nông thôn mới, có 20 xã hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, trong đó 05 xã đạt tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu. Giá trị thu nhập bình quân trên 1ha đất canh tác đạt 210 triệu đồng. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40,5%. Có thêm 43 trường đạt chuẩn quốc gia. Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%; giảm tỷ lệ mất cân bằng giới

tính khi sinh ở mức dưới 115 bé trai/100 bé gái. Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,5%. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 34%. Tạo thêm việc làm mới cho 2,45 vạn lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 65%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 50%. Tỷ lệ hộ nghèo dưới 1,9%. Tỷ lệ làng, khu phố, cơ quan, đơn vị văn hoá 89%; tỷ lệ gia đình văn hoá 92%. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở nông thôn đạt 80%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương; Nghị quyết, Chương trình, Đề án của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh về phát triển toàn diện kinh tế - xã hội năm 2020.

2. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm, cây hàng năm khác kết hợp nuôi trồng thủy sản cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Tổ chức ứng dụng các quy trình tiên tiến vào sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; tăng cường đầu tư phát triển công nghệ sau thu hoạch theo hướng hiện đại. Đẩy mạnh các hình thức chăn nuôi gia trại, trang trại, công nghiệp và bán công nghiệp. Tích cực chuyển đổi cơ cấu chăn nuôi theo hướng giảm tỷ trọng chăn nuôi lợn, tăng tỷ trọng chăn nuôi gia cầm, đại gia súc và các vật nuôi đặc sản có giá trị kinh tế cao. Hoạt động tái đàn lợn cần được quản lý chặt chẽ đảm bảo an toàn sinh học, tiêu độc khử trùng, xa khu dân cư, không áp dụng cho các hộ nhỏ lẻ; chủ động thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi sản xuất nông sản. Tiếp tục duy trì và phát triển các nhãn hiệu hàng hóa tập thể đã được bảo hộ, đẩy mạnh triển khai dán tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản của tỉnh. Tiếp tục thành lập và hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả. Củng cố và duy trì các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

3. Triển khai đồng bộ các giải pháp thu hút đầu tư và tích cực giải phóng mặt bằng để đưa các dự án đi vào hoạt động. Khẩn trương hoàn tất thủ tục quyết định chủ trương đầu tư cho KCN đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt giai đoạn I, và mở rộng các KCN Yên Mỹ II và KCN Thăng Long II. Đôn đốc hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Đức và KCN Yên Mỹ, KCN Minh Quang triển khai xây dựng, vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung theo đúng tiến độ. Đẩy nhanh tiến độ thành lập, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đưa vào hoạt động các cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Tích cực thu hút doanh nghiệp vào các khu, cụm công nghiệp. Rà soát và thực hiện chấm dứt hoạt động đối với các dự án đầu tư không có khả năng thực hiện để giành quỹ đất tiếp nhận các dự án đầu tư có tính khả thi cao, công nghệ hiện đại. Chỉ tiếp nhận các dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương, chủ động nghiên cứu, thúc đẩy hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) phù hợp với điều kiện của tỉnh.

4. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ kết nối và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc vận chuyển,

kinh doanh thực phẩm không rõ nguồn gốc. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại điện tử gắn với bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả các hoạt động thanh tra, kiểm soát, quản lý thị trường, đấu tranh có hiệu quả các hành vi buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ, mẫu mã sản phẩm, quy định về vệ sinh thực phẩm…, kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, góp phần ổn định thị trường, tạo môi trường lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh.

5. Tập trung khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, hoàn thành và vượt kế hoạch thu ngân sách năm 2020. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế chuyên sâu theo từng lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên lĩnh vực còn thất thu, các đơn vị có nhiều rủi ro. Nâng cao hiệu quả các biện pháp quản lý thu nợ. Tiếp tục hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế; đảm bảo công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của cơ quan Nhà nước. Thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát chi ngân sách nhà nước, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp. Thực hiện tốt công tác huy động vốn với các mức lãi suất linh hoạt để thu hút tốt các nguồn tiền nhàn rỗi, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế địa phương. Đẩy mạnh tái cơ cấu hoạt động các tổ chức tín dụng gắn với xử lý giảm nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống.

6. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quy hoạch xây dựng vùng các huyện Tiên Lữ, Khoái Châu, Phù Cừ; Quy hoạch chung đô thị Văn Giang; Quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào; Quy hoạch các khu cụm công nghiệp. Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng và phát triển đô thị phấn đấu đưa thị xã Mỹ Hào đạt đô thị loại III, thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình; quản lý quy hoạch trật tự xây dựng, đảm bảo tiến độ, hiệu quả đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là các công trình giao thông. Chuẩn bị tốt cho công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm hành lang giao thông, phấn đấu giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí. Triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động vận tải thông qua thiết bị giám sát hành trình xe, xử lý nghiêm đối với các doanh nghiệp vi phạm theo quy định.

7. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất đến thực hiện kê khai đăng ký, hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thực hiện lồng ghép vừa đo đạc vừa kê khai đăng ký. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm Kế hoạch số 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh. Từng bước xử lý, giải tỏa các trường hợp xây dựng công trình, nhà ở trái phép trên đất nông nghiệp, vi phạm hành lang bảo vệ các công trình giao thông, thủy lợi còn tồn đọng; giải tỏa dứt điểm các bến bãi tập kết, kinh doanh cát, vật liệu xây dựng không có giấy phép, không phù hợp quy hoạch. Tổ chức rà soát, kiểm tra các điểm tập kết rác thải, xây dựng phương án tập kết rác thải vào các bãi rác còn sức chứa, ngăn ngừa, hạn chế tối đa tình trạng đổ, đốt rác thải bừa bãi ở các khu vực công

cộng, sông, kênh mương và dọc các tuyến đường giao thông trên địa bàn. Các huyện tổ chức quy hoạch điểm xử lý rác trên địa bàn. Tích cực chỉ đạo thực hiện việc phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình. Triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào "Chống rác thải nhựa". Thường xuyên giám sát các cơ sở phát sinh chất thải lớn, cơ sở thuộc danh sách điểm nóng về ô nhiễm môi trường.

8. Đẩy mạnh hoạt động đưa khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển các ngành kinh tế và dịch vụ, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh. Tạo điều kiện để doanh nghiệp xây dựng, phát triển và thương mại hóa các sản phẩm sáng tạo và tài sản trí tuệ. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ.

9. Tổ chức thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông mới. Tiếp tục hợp nhất đối với các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT theo kế hoạch, trên cơ sở đảm bảo duy trì ổn định số lớp, số học sinh ở các cấp học, bậc học. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa huy động các nguồn lực của xã hội để phát triển giáo dục đào tạo. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đào tạo đủ điều kiện thực hiện chương trình chất lượng cao với mức thu học phí tương ứng để có thêm nguồn lực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, nâng tỷ lệ phòng học kiên cố cao tầng ở các cấp học, bậc học: mầm non đạt tỷ lệ 83%, tiểu học đạt tỷ lệ 96%, THCS đạt tỷ lệ 98,5%, THPT đạt tỷ lệ 97,5%. Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu năm 2020 có thêm 43 trường đạt chuẩn quốc gia. Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đi học, nâng cao trình độ, mục tiêu năm 2020 giáo viên có trình độ trên chuẩn: mầm non đạt 73%, tiểu học đạt 96,5%, THCS đạt 85,5%, THPT đạt 22%. Tiếp tục thực hiện công tác khảo thí theo hướng đánh giá năng lực người học, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin đảm bảo công bằng, khách quan, minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho giáo viên và người học. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm duy trì kỷ cương, nề nếp dạy-học, thi cử, dạy thêm- học thêm và thu góp. Đẩy mạnh công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu dân cư mới Nu-9 và Khu dân cư mới Bắc Nu-10 để tạo vốn giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đại học Phố Hiến. Sớm hoàn thiện hồ sơ phê duyệt quy hoạch, đồng thời tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến mời gọi các trường Đại học về đầu tư tại Khu Đại học Phố Hiến và đầu tư vào tỉnh.

10. Đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng, tăng cường công tác truyền thông, giáo dục để người dân hiểu và chủ động thực hiện các biện pháp tự phòng chống dịch; chủ động giám sát dịch tễ, thực hiện dự phòng tích cực, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tiếp tục chấn chỉnh tinh thần, thái độ phục vụ của thầy thuốc, nhân viên y tế, kịp thời giải quyết những tình huống cấp cứu khẩn cấp, đảm bảo chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và đáp ứng sự hài lòng của người bệnh. Tăng cường kiểm soát chất lượng thuốc. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về dân số - KHHGĐ, đảm bảo duy trì mức độ tăng dân số tự nhiên dưới 1%/ năm và giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh ở mức dưới

115 bé trai/100 bé gái. Tiếp tục tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Cải cách thủ tục hành chính trong công tác khám, chữa bệnh BHYT tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người có thẻ BHYT trong sử dụng dịch vụ. Khẩn trương giao quyền tự chủ cho các bệnh viện.

11. Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, cổ động, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Giữ gìn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa. Rà soát bảo tồn, tôn tạo các cụm di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh đã xuống cấp. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và công tác gia đình; phong trào tập luyện thể dục thể thao trong mọi tầng lớp nhân dân. Chú trọng công tác quản lý nhà nước về du lịch. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển các dịch vụ về du lịch văn hóa. Lựa chọn, xây dựng làng văn hóa du lịch. Phấn đấu có Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình phối hợp về văn hóa, thể thao, du lịch với các tỉnh bạn. Tiếp tục tổ chức các lớp kiến thức về quảng bá, xúc tiến du lịch cho cán bộ chuyên trách quản lý lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh.

12. Cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người có công, phấn đấu 100% gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, tuyên truyền, hướng nghiệp học nghề và giải quyết việc làm. Phấn đấu tạo việc làm trong nước cho 21 nghìn người; xuất khẩu 3.500 lao động; tuyển sinh đào tạo ở các cấp trình độ cho 46.500 người; tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên 95%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 50%. Tiếp tục triển khai hiệu quả các hoạt động giảm nghèo, hỗ trợ xây dựng nhà cho người nghèo, phấn đấu đưa tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,9% và trên 95% hộ nghèo được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đảm bảo 80% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em; 100% trẻ em dưới 6 tuổi tiếp cận các dịch vụ y tế không phải trả tiền. Triển khai hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đảm bảo 85% số người có nhu cầu được tiếp cận ít nhất một dịch vụ tư vấn, hỗ trợ bình đẳng giới, 75% cán bộ làm công tác bình đẳng giới được tập huấn cập nhật kiến thức bình đẳng giới.

13. Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử trong thời đại 4.0, góp phần tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 04/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; tăng cường công tác quản lý, sử dụng biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và tinh giản biên chế. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ. Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức. Tập trung rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các cơ quan hành chính nhà nước để xây dựng bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập, quản lý chặt chẽ việc thành lập mới các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập. Khẩn trương xây dựng và ban hành: Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập các ngành, lĩnh vực thuộc tỉnh quản lý

đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Danh mục vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Hưng Yên đối với các đơn vị thực hiện cơ cấu lại tổ chức và số lượng người làm việc.

14. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện nghiêm nề nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, tập luyện thành thục các phương án, kế hoạch tác chiến, kế hoạch phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ. Phát triển lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng biên chế đúng quy định, có chất lượng cao. Hoàn thành kế hoạch giao quân năm 2020. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật; kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm. Bảo vệ an toàn tuyệt đối Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các sự kiện trọng đại của Đảng, Nhà nước và các ngày Lễ, Tết trong năm. Tập trung phát hiện, triệt phá các băng, nhóm tội phạm, các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại gắn với giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở. Kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Thực hiện tốt công tác thanh tra và xử lý sau thanh tra.

15. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Phấn đấu đến năm 2020 có trên 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 4. Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, báo chí. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; về Đại hội thi đua yêu nước các cấp tiến tới Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Hưng Yên lần thứ IX, Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X. Khuyến khích các hoạt động sáng tác, biên soạn, biên tập sách, báo, tạp chí, tác phẩm nghệ thuật đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

16. Tiếp tục nâng cao, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia, thực hiện và làm tốt công tác giám sát phản biện xã hội đối với các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P. TH[Cầm].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Đặng Ngọc Quỳnh

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 10/12/2019 09:14:47

PHỤ LỤC

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, giai đoạn 2016-2019 và kế hoạch năm 2020

(Kèm theo Báo cáo số 215 /BC-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				Bình quân 2016-2019	Kế hoạch năm 2020	Mục tiêu NQĐH XVIII
						Kế hoạch	Thực hiện	So sánh thực hiện năm 2019 với				
								Kế hoạch	Năm 2018			
1	**Về tốc độ tăng trưởng GRDP**											
	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá so sánh	Tỷ đồng	41.980	45.612	49.982	54.131	54.838	101,31	109,72	48.103	59.773	
	- Tốc độ tăng trưởng	%	7,94	8,65	9,58	8,30	9,72	-	-	8,97	9,00	Tăng trưởng bình quân 7,5-8
2	**Tăng trưởng các ngành kinh tế**											
2.1	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản*											
	- Giá trị sản xuất theo giá so sánh	Tỷ đồng	11.558	11.779	12.208	12.526	12.528	100,02	102,62	12.018	12.804	
	- Tăng trưởng	%	2,69	1,91	3,65	2,60	2,62	-	-	2,72	2,2	2,5-3
	- Giá trị thu được bình quân trên 1ha canh tác	Triệu đồng	162,50	173,5	192,00	-	202,50	-	105,47	202,50	210	210
2.2	*Công nghiệp - xây dựng*											
	- Giá trị sản xuất theo giá so sánh	Tỷ đồng	144.656	161.000	179.927	197.020	201.970	102,51	112,25	171.888	223.177	
	- Tốc độ tăng trưởng	%	9,91	11,30	11,76	9,50	12,25	-	-	11,30	10,5	
	Trong đó:											
	- Công nghiệp	Tỷ đồng	136.719	151.052	168.326	184.317	188.357	-	111,90	161.114	207.193	
	+ Tốc độ tăng	%	9,71	10,48	11,44	9,50	11,90	-	-	10,88	10	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				Bình quân 2016-2019	Kế hoạch năm 2020	Mục tiêu NQĐH XVIII
						Kế hoạch	Thực hiện	So sánh thực hiện năm 2019 với				
								Kế hoạch	Năm 2018			
	- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng	%	8,68	9,63	10,93	-	11,45	-	-	10,17	10	9-10
2.3	*Thương mại - dịch vụ*											
	- Giá trị sản xuất theo giá so sánh	Tỷ đồng	18.707	20.220	21.942	23.741	23.427	99	106,77	21.074	25.231	
	-Tốc độ tăng trưởng	%	7,92	8,09	8,52	8,20	6,77	-	-	7,82	7,70	8,5-9,5
	- Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ	Tỷ đồng	24.843	30.336	34.285	-	38.097	-	111,12	31.890	42.000	
3	**Kim ngạch xuất khẩu**											
	- Giá trị	Triệu USD	3.199	3.680	4.250	4.700	4.750	101	111,76	4.750	5.300	5.000
	- Tăng so với cùng kỳ	%	27,03	15,05	15,49	-	11,76	-	-	17,33	11,58	Tăng trưởng bình quân 16
4	**GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành)**	Triệu đồng	53,76	59,29	66,88	62,00	74,57	120,27	111,49	74,57	80	Đến năm 2020 đạt 75
5	**Cơ cấu GRDP**											
	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	10,78	9,41	8,89	10,10	8,44	-	-	8,44	8,0	8
	- Công nghiệp và xây dựng	%	58,33	59,71	61,04	52,20	62,15	-	-	62,15	63,0	55
	- Dịch vụ	%	24,11	23,92	23,32	37,70	22,74	-	-	22,74	29,0	37
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	6,77	6,96	6,75		6,67	-	-	6,67		
	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	9.460	12.015	13.229	12.865	14.450	112,32	109,23	14.300	14.865	Đến năm 2020 đạt 13.000 tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				Bình quân 2016-2019	Kế hoạch năm 2020	Mục tiêu NQĐH XVIII
						Kế hoạch	Thực hiện	So sánh thực hiện năm 2019 với				
								Kế hoạch	Năm 2018			
6	- Thu nội địa	Tỷ đồng	6.708	8.639	9.888	9.565	11.000	115,00	111,25	11.000	10.565	Đến năm 2020 đạt 9.000 tỷ đồng
	- Thuế xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	2.752	3.376	3.341	3.300	3.450	104,55	103,25	3.300	4.300	Đến năm 2020 đạt 4.000 tỷ đồng
7	**Chi ngân sách địa phương**	Tỷ đồng	7.633	9.058	9.336	9.171	10.339	112,74	110,74	9.092	10.567	
	- Chi đầu tư	Tỷ đồng	2.261	3.247	3.121	4.007	3.679	91,81	117,88	3.077	2.246	
	- Chi thường xuyên	Tỷ đồng	5.372	5.811	6.215	6.300	6.300	100	101,37	5.924	6.650	
8	**Thu hút đầu tư**											
	- Số dự án đầu tư mới	Dự án	194	255	176	-	116	-	65,91	185	-	
	- Số vốn đăng ký mới	Triệu USD	901,0	1.196	601	-	639	-	106,38	834	-	
	- Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp	914	1.313	1.175	-	1.200	-	102,13	1.151	-	
	- Tổng vốn đầu tư huy động	Tỷ đồng	24.886	28.401	31.539	-	34.668	-	109,92	Lũy kế 119.494	-	Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 đạt 150.000
9	**Tỷ lệ đô thị hóa**	%	23,15	26,18	34,20	37,5	37,6	-	-	37,6	40,50	Đến năm 2020 đạt 40,5
10	**Số xã, huyện đạt chuẩn NTM**											
	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM	%	30	60	80,6	91-94	100	-	-	100	100	Đến năm 2020 có 70% xã đạt NTM

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				Bình quân 2016-2019	Kế hoạch năm 2020	Mục tiêu NQĐH XVIII
						Kế hoạch	Thực hiện	So sánh thực hiện năm 2019 với				
								Kế hoạch	Năm 2018			
	- Số huyện đạt chuẩn NTM	huyện	-	-	1	3	3	100,0	300	4	3	Đến năm 2020 có 2-3 huyện đạt NTM
11	**Các chỉ tiêu văn hóa xã hội**											
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	4,2	3,4	2,6	2,2	2,0	-	-		<1,9	<2
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	Duy trì tỷ lệ tăng dân số < 1
	- Số lao động được giải quyết việc làm mỗi năm	Người	21.800	22.150	23.900	23.000	24.800	107,8	103,8	23.163	24.500	Trung bình mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 20.000
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	56	58	60	62	63	-	-	63	65	Đến năm 2020 đạt 65
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	88,82	98,14	99,00	100,00	100,00	-	-	100	100	Đến năm 2020 đạt 100
	- Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế	%	76,20	80,40	86,50	88,20	90,50	-	-	90,50	91,5	Đến năm 2020 trên 90
	- Số giường bệnh/vạn dân	Giường bệnh	23,90	27,30	27,30	-	27,30	-	100,00	27,30	30	Đến năm 2020 đạt 28
	- Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	6,50	6,80	6,80	-	7	-	102,94	7	9	Đến năm 2020 đạt 9
	- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	70	75	82	90	87	-	-	87	95	Đến năm 2020 đạt trên 90
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, gia đình văn hóa	%	89	90	91	91,50	91,50	-	-	91,5	92	Đến năm 2020 đạt 90
	- Tỷ lệ làng, khu phố đạt danh hiệu văn hóa	%	86	87	88,00	88,50	88,50	-	-	88,5	89	Đến năm 2020 đạt 87